

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09/2020/DS-ST**.
Ngày: 18/8/2020.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Viết Ân

2. Bà Lữ Kim Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.

Trụ sở: Số 169 Linh Đường, Khu C5, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Quang Vinh – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Cẩm Mỹ.

(Theo Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Văn Song - Chức vụ: Phó Giám

đốc Phòng giao dịch, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Cẩm Mỹ.

(Theo Văn bản ủy quyền số 335/GUQ-NHCS ngày 16/10/2019).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Th T, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp 4, xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Nông Thị Th H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 4, xã S N, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

(Ông S vắng mặt có đơn xin vắng mặt, anh Tr và chị H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, các bản tường trình của đại diện nguyên đơn là ông Võ Văn Song trình bày:*

Ngày 22/12/2011, Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Cẩm Mỹ đã ký phê duyệt Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, chương trình cho vay hộ nghèo cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nông Thị Th H vay số tiền 10.000.000 đồng, theo sổ vay vốn số 4600068466, giải ngân ngày 23/12/2011, lãi suất vay là 0,65%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ là 3.000.000 đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/11/2014, lãi vay được trả định kỳ vào ngày 07 hàng tháng. Lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn của ông Trí và bà Hà là vay để chăn nuôi bò thực hiện xóa đói giảm nghèo.

Quá trình vay vốn ông Nguyễn Thanh Tr và bà Nông Thị Th H đã trả được tổng số tiền lãi 2.909.838 đồng, hộ gia đình ông Tr và bà H đã đề nghị Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam huyện Cẩm Mỹ cho gia hạn 04 lần với tổng thời gian gia hạn là 24 tháng, thời hạn cuối cùng trả nợ khoản vay được kéo dài đến ngày 07/11/2016. Tuy nhiên, hộ gia đình ông Trí và bà Hà không chấp hành việc đóng tiền lãi vay hàng tháng và hết thời hạn gia hạn vay hộ gia đình ông Tr và bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, khoản nợ được chuyển qua nợ quá hạn và tính lãi quá hạn kể từ ngày 08/11/2016. Cán bộ Ngân hàng Chính sách Xã hội đã phối hợp cùng Chính quyền địa phương thành lập đoàn xử lý nợ nhiều lần đến vận động, giải thích đơn đốc hộ gia đình ông Tr và bà H trả nợ, nhưng ông Tr và bà H không hợp tác và không ký vào biên bản làm việc, có những hành vi xúc phạm, thách thức, chống đối quyết liệt Đoàn làm việc.

Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh Tr và bà Nông Thị Th H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi 4.809.995 đồng. Tổng số tiền là 14.809.995 đồng theo hợp đồng tín dụng trên.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị Th H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, Tòa án đến làm việc nhưng ông Tr và bà H không hợp tác làm việc nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:

* Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: Bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; Hồ sơ vay vốn (bản sao); Các giấy đề nghị gia hạn nợ (bản sao); Giấy ủy quyền (bản sao); Chứng minh nhân dân người đại diện (bản sao); Bảng kê tiền lãi.

* Tài liệu, chứng cứ mà bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp: Không có.

* Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Công an xã Sông Nhạn (bản chính); Biên bản ghi nhận sự việc (bản chính).

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, do ông Trí, bà Hà vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

- Tại phiên tòa hôm nay:

Tất cả các đương sự vắng mặt nên không có lời khai nên Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, Thẩm phán và của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên xét xử vắng mặt là phù hợp; Tòa án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam buộc ông Nguyễn Thanh Tr và bà Nông Thị Th H trả tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn giữa các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa và sau nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo chương tình vay vốn hộ nghèo sổ vay vốn số 4600068466; Vì vậy, đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Thanh Tr và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị Th H có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp 4, xã S N, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh Tr và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị Th H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành, tại phiên tòa hôm nay được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung và thời hiệu khởi kiện:

Về áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết: Việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 22/12/2011, thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Các bên hiện đang thực hiện giao dịch và phát sinh tranh chấp, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015

Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Tòa án để xem xét và không hợp tác khi Tòa án đến làm việc, nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ còn lại chương tình vay vốn hộ nghèo sổ vay vốn số 4600068466 ngày 23/12/2011 với số tiền là 14. 809.995 đồng, trong đó nợ gốc là 10.000.000 đồng, nợ lãi 4.809.995 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp các chứng cứ là Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay phê duyệt ngày 22/12/2011 và sổ vay vốn số 4600068466 ngày 23/12/2011 (bản sao); Tờ rời theo dõi; Thẻ theo dõi giao dịch vay tiền; Đơn xin gia hạn; Biên bản làm việc. Theo nội dung trình bày của đại diện nguyên đơn cùng các chứng cứ cho thấy ông Nguyễn Thanh Tr và bà Nông Thị Thu H đã nhận giải ngân tiền vay

với số tiền là 10.000.000 đồng theo chương trình vay hộ nghèo. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn đối với số nợ gốc là có căn cứ chấp nhận; buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị T H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu về phần lãi suất của nguyên đơn nhận thấy, theo các bảng tính lãi nợ vay lập ngày 18/8/2020 được đại diện nguyên đơn cung cấp thể hiện:

Theo sổ vay vốn số 4600068466 ngày 23/12/2011: số tiền vay là 10.000.000 đồng, lãi suất vay là 0,65%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả nợ là 3.000.000 đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/11/2014, lãi vay được trả định kỳ vào ngày 07 hàng tháng. Lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn, khoản vay được gia hạn được kéo dài đến ngày 07/11/2016; lãi là 7.719.833 đồng, đã trả 2.909.838 đồng, lãi phải trả đến 18/8/2020 là 4.809.995 đồng.

Theo Biên bản làm việc do đại diện nguyên đơn cung cấp (bản sao) thể hiện: Ngân hàng đã tạo điều kiện, vận động cho ông Tr, bà H trả nợ khoản nợ quá hạn, nhưng ông Tr, bà H không thực hiện, không hợp tác. Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi đối với các khoản nợ gốc và số tiền lãi là chính xác và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh Tr và bà Nông Thị Th H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam đối với ông Nguyễn Thanh Tr, bà Nông Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh Tr và bà Nông Thị Th H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc là 10.000.000 (Mười triệu) đồng và tiền lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.809.995 (Bốn triệu tám trăm lẻ chín ngàn chín trăm chín mươi lăm) đồng. Tổng số tiền là 14.809.995 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Thanh Trí và bà Nông Thị Thu Hà còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong sổ vay vốn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thanh Tr và bà Nông Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 740.500 (Bảy trăm bốn mươi ngàn năm trăm) đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Trường